

Số: 22 /2020/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 21 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Quy định mức trần thù lao công chứng
và chi phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;
Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại các Văn bản: Số 65/TTr-STP ngày 29 tháng 10 năm 2020; số 1051/STP-BTTP ngày 30 tháng 11 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức trần (mức thu đối đa) thù lao công chứng và chi phí chứng thực được áp dụng tại các tổ chức hành nghề công chứng, các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện chứng thực trên địa bàn tỉnh Thái Bình (Có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Trách nhiệm của các tổ chức hành nghề công chứng và cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện chứng thực:

1. Xác định mức thù lao cụ thể đối với từng loại việc không vượt quá mức trần thù lao công chứng, chứng thực được quy định tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Niêm yết công khai mức trần thù lao công chứng và chi phí chứng thực này tại trụ sở của cơ quan, đơn vị, tổ chức mình; giải thích rõ cho người có yêu cầu công chứng, chứng thực về thù lao công chứng, chi phí chứng thực.

3. Quản lý, sử dụng nguồn thu thù lao công chứng, chi phí chứng thực, báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh, Hội đồng chứng viên tỉnh; các tổ chức hành nghề công chứng, các cơ quan có thẩm quyền thực hiện chứng thực và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /tũny

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Báo Thái Bình;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Thận

Phụ lục
MỨC TRẦN THÙ LAO CÔNG CHỨNG VÀ CHI PHÍ CHỨNG THỰC
ÁP DỤNG TẠI CÁC TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG;
CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ THẨM QUYỀN THỰC HIỆN
CHỨNG THỰC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 22 /2020/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình).

(Đơn vị tính: đồng)

Stt	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	MỨC TRẦN (tối đa)
A	THÙ LAO CÔNG CHỨNG	
I	Thù lao soạn thảo hợp đồng, giao dịch	
1	Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản	250.000 đồng
2	Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất	150.000 đồng
3	Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất	150.000 đồng
4	Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất	100.000 đồng
5	Hợp đồng thế chấp tài sản, cầm cố tài sản, bảo lãnh tài sản	100.000 đồng
6	Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất; thuê nhà ở; thuê tài sản	100.000 đồng
7	Hợp đồng ủy quyền	100.000 đồng
8	Hợp đồng mua bán, tặng cho ô tô, xe máy	100.000 đồng
9	Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng giao dịch	100.000 đồng
10	Hợp đồng hủy, chấm dứt hợp đồng, giao dịch	100.000 đồng

Tùng

11	Giấy ủy quyền	50.000 đồng
12	Các hợp đồng, giao dịch khác như: Hợp đồng kinh tế, thương mại, đầu tư, kinh doanh	300.000 đồng
13	Di chúc	150.000 đồng
14	Văn bản từ chối nhận di sản	50.000 đồng
II	Thù lao dịch thuật	Trang A4
1	<i>Dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt Nam</i>	
1.1	Dịch từ tiếng Anh hoặc tiếng của một nước thuộc EU sang tiếng Việt	100.000đ/trang
1.2	Dịch từ tiếng nước ngoài khác sang tiếng Việt Nam	120.000đ/trang
2	<i>Dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài</i>	
2.1	Dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh, Đức hoặc tiếng của một nước thuộc Liên minh châu âu (EU)	120.000đ/trang
2.2	Dịch từ tiếng Việt Nam sang tiếng nước ngoài khác	150.000đ/trang
III	Các việc khác	
1	Công bố di chúc	100.000 đồng
2	Niên yết việc thụ lý công chứng văn bản thảo thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản, công chứng ngoài trụ sở theo quy định của Luật Công chứng năm 2014	<ul style="list-style-type: none"> - Dưới 10km: 100.000đồng. - Từ 10km đến dưới 20km: 200.000đồng. - Từ 20km trở lên người yêu cầu công chứng thanh toán cho các tổ chức hành nghề công chứng theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức theo chế độ công tác phí do cơ quan nhà nước quy định.

Tung

3	Các việc khác không có trong danh mục này	Do công dân, tổ chức tự thỏa thuận với tổ chức có thẩm quyền công chứng, chứng thực trên cơ sở chi phí thực tế
IV	Sao chụp văn bản	
1	In, sao chụp văn bản (trang A4)	500đồng/trang
2	Sao chụp văn bản (trang A3)	1.000đồng/trang
3	Đánh máy văn bản (trang A4)	5.000đồng/trang
4	Đánh máy văn bản (trang A3)	10.000đồng/trang
B	CHI PHÍ CHỨNG THỰC	<i>(Áp dụng theo mức trần thù lao công chứng tại mục IV phần A)</i>

Tung

